

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP NĂM 2018**

Nhóm thực hiện:

Phan Đức Long

Huỳnh Văn Hiếu

Nguyễn Văn Chiến

Thành phố Hồ Chí Minh 2018

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên trong bài báo cáo, chúng tôi những người thực hiện xin gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc nhất đến lãnh đạo Cục kiểm định chất lượng dạy nghề/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cơ quan hợp tác Quốc tế Đức GIZ và cùng toàn thể các chuyên gia, cán bộ Cục kiểm định chất lượng dạy nghề/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi hoàn thiện bài báo cáo.

Xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, các Doanh nghiệp đã giúp đỡ chúng tôi trong công tác điều tra khảo sát cũng như tạo mọi điều kiện để chúng tôi hoàn thiện bài báo cáo.

Tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện, bản báo cáo cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các cấp lãnh đạo, quý thầy cô, cùng toàn thể các cán bộ, chuyên gia để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Danh mục các từ viết tắt	6
Phần 1: Giới thiệu về cuộc khảo sát	7
1. Tổng quan về trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	7
1.1. Quá trình phát triển nhà trường	7
1.2. Sứ mạng – Tầm nhìn	7
1.3. Chính sách chất lượng	8
1.4. Cơ sở vật chất	8
1.5. Hệ thống tổ chức	9
1.6. Qui mô và ngành nghề đào tạo	10
1.7. Tình hình giải quyết việc làm và hợp tác doanh nghiệp	11
1.7.1. Giải quyết việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp	11
1.7.2. Hợp tác Doanh nghiệp	11
2. Mục đích của Khảo sát Doanh nghiệp và nhu cầu thông tin	14
3. Đối tượng và các bên tham gia	15
4. Quá trình triển khai khảo sát	15
4.1. Quá trình triển khai	15
4.2. Phương pháp luận	16
4.3. Các công cụ	17
Phần 2: Kết quả điều tra khảo sát Doanh nghiệp	18
I. Thông tin chung về Doanh nghiệp	18
1. Doanh nghiệp chia theo đơn vị hành chính	18
2. Doanh nghiệp chia theo loại hình sở hữu	18
3. Quy mô lao động trong doanh nghiệp	19

4. Doanh nghiệp chia theo ngành kinh tế	19
5. Doanh nghiệp chia theo thị trường hoạt động	20
6. Doanh nghiệp Sản xuất/Lắp ráp	21
7. Doanh nghiệp chia theo hình thức sử dụng công nghệ sản xuất/lắp ráp	22
II. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong Doanh nghiệp được khảo sát	23
1. Nhu cầu tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp	23
2. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong doanh nghiệp chia theo trình độ (có chuyên môn kỹ thuật/không có chuyên môn kỹ thuật)	23
3. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong doanh nghiệp chia theo nghề cần tuyển	24
4. Số lượng doanh nghiệp (có/không) tuyển dụng lao động bị khuyết tật	25
III. Việc làm và đào tạo trong Doanh nghiệp	26
1. Số lượng lao động được tuyển dụng từ các cơ sở đào tạo theo nghề	26
2. Thu nhập bình quân của lao động theo nghề	27
3. Khó khăn của doanh nghiệp trong việc tuyển dụng lao động theo nghề	28
4. Đào tạo lại cho lao động mới được tuyển dụng trong doanh nghiệp theo nghề và thời gian bình quân cần đào tạo lại	29
IV. Năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp	31
1. Năng lực của HSSV tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	31
2. Năng lực của HSSV tốt nghiệp của Trường nghề khác	32
3. So sánh năng lực của HSSV từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM Với năng lực của HSSV Trường nghề khác	33
4. Đánh giá về năng lực của HSSV tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của Doanh nghiệp	34
4.1. Kiến thức lý thuyết về nghề	34
4.2. Kỹ năng thực tiễn nghề	36

4.3. Kỹ năng mềm	37
4.4. Thái độ làm việc	39
V. Kết luận	41
1. Bài học kinh nghiệm	41
2. Kết luận	41

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

HSSV	Học sinh – sinh viên
DN	Doanh nghiệp
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
CMKT	Chuyên môn kỹ thuật

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CUỘC KHẢO SÁT

1. Tổng quan về Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM

1.1 Quá trình phát triển nhà trường

Năm 1983: Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 12 tháng 5 năm 1983 của Ủy ban Nhân dân TPHCM về việc giao Trường Phổ thông Trung học Lý Tự Trọng cho Ban Giáo dục Chuyên nghiệp cải tạo thành Trường Dạy nghề do Liên Xô viện trợ thiết bị không hoàn lại.

Năm 1986: Quyết định số 18/QĐ-UB ngày 01 tháng 2 năm 1986 của Ủy ban Nhân dân TPHCM về việc thành lập Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng trực thuộc Ban Giáo dục Chuyên nghiệp Thành phố.

Năm 1995: Quyết định số 2426/QĐ-UB-NCVX ngày 31 tháng 3 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân TPHCM về việc đổi tên Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng thành Trường Trung học Nghề Lý Tự Trọng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Năm 1999: Quyết định số 1485/QĐ-UB-VX ngày 16 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân TPHCM về việc chuyển Trường Trung học Nghề Lý Tự Trọng thành Trường Trung học Kỹ thuật Lý Tự Trọng TPHCM trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Năm 2005: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TPHCM được thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm 2017: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TPHCM được đổi tên thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM theo Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Với lịch sử 32 năm xây dựng và phát triển Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động hàng chục ngàn cán bộ, công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao góp phần phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đặc biệt là quá trình phát triển kinh tế trên địa bàn TPHCM và cả nước.

1.2. Sứ mạng – Tầm nhìn:

Sứ mạng

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM:

- Là nơi chuyên đào tạo nguồn năng lực kỹ thuật có uy tín và chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và góp phần phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của TPHCM và cả nước.

- Là nơi kết hợp đào tạo với thực hiện nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học về lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp và công nghệ kỹ thuật cho xã hội.

Tầm nhìn

Phát triển Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM thành trường Đại học trọng điểm của TPHCM và trở thành cơ sở giáo dục đào tạo đa cấp, đa ngành theo hướng tiên tiến, hiện đại, để có vị trí xứng đáng trong ngành giáo dục Đại học Việt Nam và khu vực, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho một Thành phố là đô thị đặc biệt và cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Chính sách chất lượng

- Xây dựng trường trở thành cơ sở đào tạo mở và linh hoạt; định hướng thị trường, hướng tới người học và các bên quan tâm;
- Đào tạo nguồn nhân lực, nhân tài cho nền kinh tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý, giảng dạy và học tập. Thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước;
- Liên tục cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của xã hội.

Các giá trị cốt lõi, truyền thống của trường là:

“Tri thức - sáng tạo - phát triển - bền vững”

1.4. Cơ sở vật chất

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM

Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4 - Quận Tân Bình - TPHCM

- Tổng diện tích đất: 50.646,6 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 26.623 m²

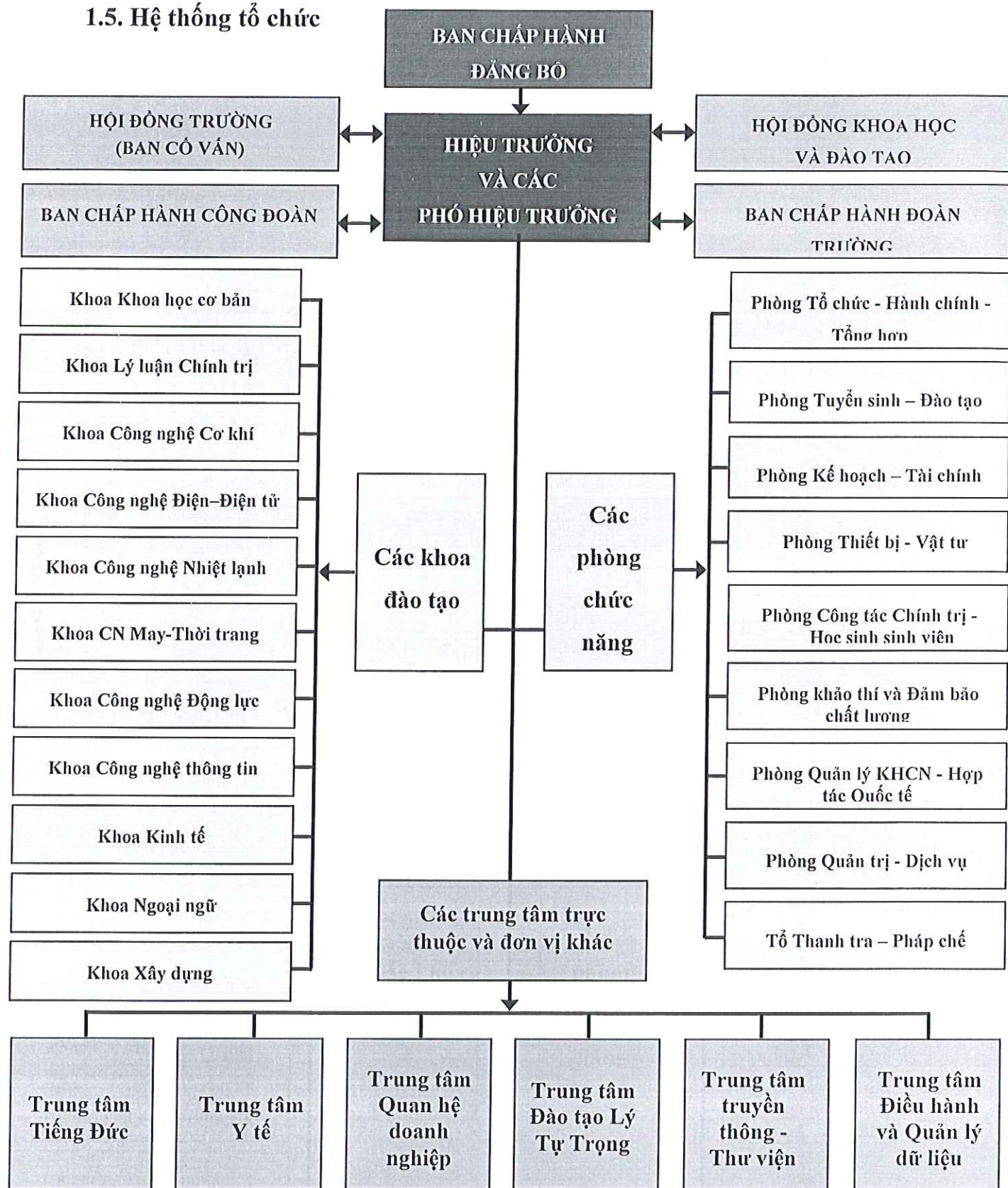
Trong đó:

- Diện tích giảng đường, phòng học các loại: 5331,6 m²
- Diện tích phòng thí nghiệm: 284 m²
- Diện tích xưởng thực tập, thực hành: 8103,2 m²
- Diện tích thư viện: 608 m², trong đó có 01 phòng đọc sách 360 m² dung lượng 220 chỗ ngồi, phục vụ các khu vực như đọc báo – tạp chí, khu vực tự học; khu vực tra cứu internet; phòng photo in ấn diện tích 52 m² với 03 máy photo và 02 máy in màu; phòng nghiệp vụ diện tích 28 m², kho sách diện tích 168 m² đang lưu hành 4.367 đầu sách với 25.520 quyển sách. Trường đã tiến hành lắp đặt hệ thống mạng không dây và một phòng máy tính với 14 máy vi tính phục vụ cho giáo viên và HSSV truy cập internet. Thư viện đã liên kết phát triển thư viện số tại địa chỉ <http://lytc.tailieu.vn>.

- Diện tích nhà làm việc: 2943,46 m²
- Diện tích sân vận động, bãi tập: 8.700 m²

- Diện tích vườn hoa, cây cảnh: 2.000 m²
- Diện tích Hội trường: 848 m²
- Đường nội bộ: 583 m

1.5. Hệ thống tổ chức



1.6. Quy mô và ngành nghề đào tạo

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM hiện đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và đào tạo nghề ngắn hạn. Với quy mô đào tạo hiện nay của trường là trên 13.000 HSSV, trong đó: trên 12.000 HSSV hệ Chính qui và 3.000 học viên hệ ngắn hạn và các loại hình đào tạo khác. HSSV tốt nghiệp của trường đã được các doanh nghiệp đón nhận và đánh giá cao về năng lực chất lượng tay nghề.

• Ngành đào tạo:

STT	CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	
		CAO ĐẲNG	TRUNG CẤP
1	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	6510304	5510304
2	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	6510303	5510303
3	Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối	6520217	5520217
4	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	6510305	
5	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển Tự động		5510305
6	Điện Công nghiệp	6520227	5520227
7	Điện tử Công nghiệp	6520225	5520225
8	Lắp đặt thiết bị lạnh	6520114	5520114
9	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	6510211	5510211
10	Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	6520205	5520205
11	Vận hành, Sửa chữa thiết bị lạnh	6520255	5520255
12	Bảo trì hệ thống Thiết bị công nghiệp	6520155	5520155
13	Cắt gọt kim loại	6520121	5520121
14	Công nghệ chế tạo máy	6510212	
15	Công nghệ chế tạo dụng cụ		5510212
16	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí	6510201	5510201
17	Công nghệ Ô tô	6510216	5510216
18	An ninh mạng	6480216	5480216
19	Công nghệ Kỹ thuật Máy tính	6480105	
20	Công nghệ Kỹ thuật Phần cứng Máy tính		5480105
21	Lập trình Máy tính	6480207	5480207
22	Quản trị Mạng máy tính	6480209	5480209
23	Thiết kế Trang web	6480214	5480214

STT	CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	
		CAO ĐẲNG	TRUNG CẤP
24	Tin học Ứng dụng	6480205	5480205
25	May Thời trang	6540205	5540205
26	Công nghệ May Veston	6540207	5540207
27	Công nghệ May	6540204	
28	Công nghệ May và Thời trang		5540204
29	Kế toán Doanh nghiệp	6340302	5340302
30	Quản trị Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ	6340417	5340417
31	Tài chính Doanh nghiệp	6340201	5340201
32	Tiếng Anh	6220206	5220206
33	Kỹ thuật Xây dựng	6580201	5580201

• **Đào tạo ngắn hạn:** Tổ chức các lớp dạy nghề thường xuyên theo nhu cầu của người học và đào tạo theo đơn đặt hàng của DN.

1.7. Tình hình giải quyết việc làm và hợp tác doanh nghiệp

1.7.1. Giải quyết việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp

Giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp, là một vấn đề đã được Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM luôn chủ động thực hiện và không chờ đợi các chính sách của Nhà nước. Trường đã đề ra nhiều chiến lược giải pháp để thực hiện như: Chuẩn hóa các chương trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với DN từ việc xây dựng chương trình đào tạo, tạo môi trường thực hành, thực tập cho HSSV. Nhà trường có chiến lược xây dựng và giữ gìn chữ tín trong các hoạt động với DN. DN biết rõ chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo vì họ đã đi cùng các HSSV trong suốt thời gian học tại Trường, nên hoàn toàn có đủ niềm tin vào chất lượng đào tạo khi tuyển dụng.

Từ tháng 08 năm 2017 đến tháng 06 năm 2018 Trường đã tiến hành khảo sát lần vết việc làm 628 HSSV sau tốt nghiệp và qua thông tin cung cấp của các DN... Kết quả cho thấy, sau 11 tháng tốt nghiệp ra trường: Có 552/628 HSSV được khảo sát có việc làm, chiếm tỉ lệ 87,89% (Trong đó: Cao đẳng 468/532 HSSV, chiếm tỉ lệ 89,97%; Trung cấp chuyên nghiệp 84/96 HSSV, chiếm tỉ lệ 87,50%).

1.7.2. Hợp tác DN

- **Nhận thức về vai trò của DN đối với cơ sở đào tạo:**

Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định “ Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến

lược,... Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các DN với cơ sở đào tạo”.

Trong thời gian qua vai trò của DN đối với cơ sở giáo dục ngày càng mật thiết và sâu rộng trong tất cả các mặt. Đồng thời, không quá khó để nhận ra những lợi ích của việc hợp tác giữa Nhà trường với DN. Bất kỳ đối tượng nào cũng sẽ được thụ hưởng những kết quả tích cực từ quá trình này.

Đối với HSSV: Những lợi ích chính bao gồm việc được tiếp cận với hệ thống kiến thức mới nhất, được củng cố về kỹ năng làm việc, và hơn nữa là nâng cao khả năng được thực tập và tuyển dụng sau khi ra trường.

Đối với Nhà trường: Hợp tác với DN sẽ giúp Nhà trường tiếp cận các nguồn tài chính bổ sung, tiếp cận với những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất, hiểu hơn về những yêu cầu của DN, qua đó hoàn thiện, đổi mới chương trình giảng dạy và cơ cấu tuyển sinh, nâng cao vị thế của Trường.

Đối với DN: Hợp tác sẽ giúp họ nâng cao khả năng nghiên cứu, làm tăng hiệu quả kinh doanh, đồng thời cũng giúp hạn chế rủi ro khi trực tiếp tuyển lựa được những HSSV có trình độ cao; nâng cao danh tiếng của DN.

Đối với xã hội: Việc hợp tác này sẽ góp phần vào sự phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho vùng, giảm tỉ lệ thất nghiệp của HSSV tốt nghiệp ra trường.

Chính vì vậy, Trường chúng tôi luôn chủ động, phối hợp, liên kết, có quan hệ gắn bó chặt chẽ với DN; Chúng tôi luôn coi DN là một trong những nguồn lực phát triển của Trường.

- Thực trạng quan hệ giữa Trường và DN:

Hiện tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM đang có quan hệ, hợp tác đào tạo với DN ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề và bậc đào tạo. Trong đó bao gồm các ngành nghề có liên quan đến lĩnh vực: Cơ khí, Công nghệ ô tô, Điện- Điện tử; Nhiệt lạnh, Công nghệ thông tin; Công nghệ may; Kế toán...; Có hơn 1000 doanh nghiệp gắn kết, tham gia hợp tác chiến lược với Nhà trường, trong đó chủ yếu là các DN có vốn đầu tư nước ngoài, DN tư nhân, Công ty cổ phần và Công ty TNHH..., cụ thể như sau:

Đối với lĩnh vực nghề Điện – Điện tử:

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như : Hiệp hội năng lượng không biên giới Pháp, Công ty Kone, Công ty TNHH Thang máy - Kỹ thuật Điện Hisa, Công ty TNHH XD Cơ điện Trí Trung, Công ty Cổ phần MEPAC, Công ty TNHH Điện Việt Nhật, Công ty CP dây cáp điện DAPHACO, C.ty TNHH MTV KT Cơ điện Toàn Phát, Công ty TNHH MTV Điện cơ Mạnh Tín, Công ty FOVINA, Công ty TNHH B & K ENGINEERING, Công ty Cổ phần TM - DV Thang máy Hà Hồng, Công ty TNHH Đạt Vĩnh Tiến, Trung tâm mua sắm Sài Gòn Nguyễn Kim, Công ty TNHH Xây lắp Cơ điện Sài Gòn SCC...

Đối với lĩnh vực nghề Nhiệt lạnh:

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như : Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật và cơ điện lạnh REE, Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh Đại Việt, C.ty TNHH TM & DV Nguyên Bình, Công ty TNHH TM-DV Cơ Điện Lạnh P&M (PME), Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Đông SaPa, Công ty TNHH Cơ Điện lạnh Tân Và Kỳ, Công ty cổ phần cơ điện lạnh Bách Khoa, Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Minh Thuận, Công ty Cơ điện lạnh Hưng Trí, TNHH Thiết bị lạnh và cách nhiệt TST, Công ty TNHH TM & DV Cơ điện lạnh Quang Vinh, Công ty TNHH DV TM Cơ điện lạnh Thuận Phát...

Đối với lĩnh vực nghề Cơ khí:

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Công ty PHANA, Công ty Cổ phần Cơ khí Ngân Hàng, Công ty Cổ phần PIN ACQUY Miền Nam, Công ty Cổ phần PIN ACQUY Miền Nam, Công ty TNHH SX TM - DV Băng tải Trục Quan, Công ty TNHH MUGEKA WASEIKO, Công ty TNHH Tân Hiệp Lực, Công ty TNHH Thang máy Hải Giang Sơn, Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa, Công ty cơ khí Nakycos, Công ty TNHH Cơ khí và Nhựa Ngọc Hoa, Công ty Cổ phần Sản xuất Nhựa Duy Tân, Công ty TNHH Cơ khí chính xác Việt Pháp, Công ty TNHH Tân Hiệp Thành, Công ty TNHH Applied Technology Precision, Công ty TNHH Công nghệ Sài Gòn-Xưởng Lắp máy...

Đối với lĩnh vực nghề Công nghệ ô tô:

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Công ty ISUZU Việt Nam, Công ty Mercedes Ben, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ C & M, Công ty TNHH TOYOTA, Công ty Cổ phần Ô Tô Trường Hải, Công ty Cổ phần Ô Tô Việt, Công ty xe Ô Tô NISSAN Sài Gòn, Công ty TNHH Cơ khí Ô Tô Phạm Gia, Công ty TNHH Gia Đình Việt, C.ty CP TM DV Ô Tô Kim Phát, Công ty cổ Ô tô Honda Cộng Hòa, Công ty Cổ phần SX TM DV Tư vấn An Lạc, Công ty TNHH Ô Tô Minh Thành, Công ty MTV Ô Tô Minh Châu, C.ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam, Công ty Ô Tô Hyundai Trường Chinh,

Đối với lĩnh vực nghề Công nghệ May – Thời trang

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi, Công ty Cổ phần May Bình Minh, Công ty TNHH TM - DV - SX Giang Thu, Công ty cổ phần may Việt Tiến, Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3, Công ty BaBy VT, Công ty May Phương Nam, Công ty Cổ phần SX TM May Sài Gòn...

Đối với lĩnh vực nghề Công nghệ thông tin

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Công ty Cổ phần I.P.L, Công ty TNHH MTV KT XD Toàn Thịnh Phát,

Công ty TNHH Kiến Nhảy, Công ty TNHH ABS Việt Mỹ, Công ty CP Xuất nhập khẩu & Phát triển Văn Hóa, C.ty TNHH CN Phần Mềm SMARTBALL, Tập đoàn Intel, Công ty Cổ phần HCOSFACE, Công ty TNHH Tin học VINA, Công ty Cổ phần Thế giới Di động, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Minh Anh, Công ty Phần mềm Đất Việt, Công ty CP Phân phối Công nghệ Thông Minh, Công ty TNHH Bác sỹ Máy tính Đăng Dũng, Công ty TNHH Thang Máy Hải Giang Sơn...

Đối với lĩnh vực nghề Kinh tế - Ngoại ngữ

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo chuyên sâu với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC), Liên hiệp HTX TM TPHCM - Siêu thị COOPMART, Công ty TNHH Thẻ Mới, Nhà hàng Hội nghị tiệc cưới DIAMOND PALACE, Công ty TNHH Triệu Phong SHOES, Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Khánh Long, Công ty TNHH May mặc SX DV RM Liên Thanh Hà, Đông Phương GROUP, Công ty Cổ phần FOOD, Công ty TNHH TM & DV Sơn Hoàng Thiên...

Mối quan hệ hợp tác giữa Nhà trường và DN tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực: Tuyển dụng lao động; tuyển dụng học sinh thực tập; xây dựng và cải tiến chương trình, giáo trình, đào tạo và đào tạo lại cho người lao động DN... Tính đến thời điểm hiện tại có hàng ngàn học viên được tham gia đào tạo hợp tác giữa nhà trường và DN. Hàng năm Nhà trường phối hợp với DN tổ chức ngày hội việc làm cho HSSV và thực hiện bồi dưỡng, đào tạo cho trung bình hàng trăm lượt học viên của các DN. Nội dung đào tạo chủ yếu là mô đun thực tập sản xuất và thực tập nâng cao kỹ năng nghề...

2. Mục đích của Khảo sát DN và nhu cầu thông tin

Khảo sát DN chính là một công cụ rất quan trọng nhằm phân tích tính phù hợp công tác đào tạo của Trường đối với việc cung ứng nguồn nhân lực cho thị trường lao động:

- Kịp thời cập nhật thông tin về việc làm của HSSV được phản hồi từ các DN có sử dụng lao động là cựu HSSV tốt nghiệp tại Trường.

- Khảo sát DN còn giúp cho Trường hiểu rõ nhu cầu, chiến lược tuyển dụng của DN, năng lực và chất lượng của HSSV tốt nghiệp có đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn của DN hay không? Từ đó, lãnh đạo Nhà trường có thể sử dụng kết quả của khảo sát, để điều chỉnh chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng cung ứng lao động có tay nghề, trình độ phù hợp dựa vào việc cung cấp các khóa đào tạo có định hướng theo yêu cầu DN.

- Ở cấp chính sách, kết quả của Khảo sát DN hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước về đào tạo nghề trong việc điều hành hệ thống đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động.

3. Đối tượng và các bên tham gia

Đối tượng khảo sát là các DN đang sử dụng lực lượng lao động là HSSV mới tốt nghiệp trong năm 2017 từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM. Khảo sát DN liên quan đến 4 bên tham gia vào hệ thống đào tạo nghề Việt Nam, những bên có thể sử dụng dữ liệu để điều hành và đào tạo ở cơ sở đào tạo nghề (a) hoặc của toàn hệ thống (b,c)

a) Cán bộ quản lý, giảng viên và giáo viên của các cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ, những người cần thông tin để nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp /Bộ LĐTBXH, người có thể sử dụng kết quả khảo sát để điều hành hiệu quả hệ thống đào tạo nghề tại Việt Nam,

c) Cán bộ quản lý Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam (GDVT/GIZ), những người cần đánh giá các hoạt động can thiệp của Chương trình trong hệ thống đào tạo nghề để điều hành Chương trình và báo cáo cho cơ quan quản lý.

d) Các bên tham gia vào chương trình: Khảo sát DN cung cấp thông tin cho họ về kết quả của Chương trình.

4. Quá trình triển khai khảo sát

4.1. Quá trình triển khai

Tháng 1 năm 2018, Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp phối hợp với Tổ chức hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tổ chức Khóa đào tạo cơ bản về khảo sát DN cho 20 trường tham gia tại Hà Nội (trong đó có Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM. Hai Cán bộ quản lý thuộc phòng Công tác Chính trị - HSSV Trường đã được cử đi tham gia khóa tập huấn. Tại đây, các Cán bộ của Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã phối hợp Cán bộ của 08 trường thành viên tham gia chương trình trước đó, đã hướng dẫn các kỹ năng, chia sẻ kinh nghiệm, cũng như trang bị cho học viên kiến thức về các phương pháp thực hiện nghiên cứu lần vết, khảo sát DN, phương pháp phỏng vấn trực tiếp, phương pháp nhập và phân tích dữ liệu bằng excel và công tác chuẩn bị cho quá trình khảo sát DN.

Sau khóa đào tạo về khảo sát DN cơ bản, Trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch khảo sát DN cho năm 2018. Cụ thể:

- Tháng 3 năm 2018 Trường tiến hành chọn mẫu DN. Những DN được chọn để khảo sát phải đảm bảo tiêu chí, là đang sử dụng HSSV tốt nghiệp từ Trường, trong vòng 1 năm tính từ thời điểm khảo sát trở về trước. Trường đã chọn ngẫu nhiên 12 DN có sử dụng HSSV tốt nghiệp từ Trường.

- Tháng 3/2018 Trường bắt đầu triển khai và tiến hành khảo sát DN theo kế hoạch. Cuối tháng 04 năm 2018 Trường hoàn tất việc nhập dữ liệu khảo sát và gửi

dữ liệu về Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) đã tổ chức “**Khóa Đào tạo nâng cao về Phân tích dữ liệu chuyên sâu và viết Báo cáo các kết quả khảo sát DN**” tại Hà Nội vào tháng 6 năm 2018, dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của Cán bộ Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Cán bộ của 08 Trường thành viên trước đó. Sau khóa bồi dưỡng nâng cao các Cán bộ phụ trách điều tra, khảo sát DN của Trường đã tiến hành phân tích dữ liệu và thực hiện báo cáo Kết quả Khảo sát DN năm 2018 vào tháng 6 năm 2018.

Trong quá trình triển khai, nhóm thực hiện điều tra khảo sát DN tương đối gặp thuận lợi do được sự hỗ trợ từ phía lãnh đạo Cục kiểm định Chất lượng Giáo dục nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các Cán bộ của Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), Ban lãnh đạo Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM và các Cán bộ hướng dẫn của 08 trường thành viên trước đó, từ công tác chỉ đạo, tổ chức, huấn luyện, triển khai thực hiện điều tra khảo sát DN của Trường. Qua đó đã có những góp ý hữu ích cho Cán bộ phụ trách điều tra, khảo sát DN của Trường cải thiện kỹ năng thực hiện cho những năm tiếp theo.

Do đây là lần đầu tiên thực hiện khảo sát DN theo chương trình của Cục kiểm định Chất lượng Giáo dục nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, kinh nghiệm nhóm thực hiện điều tra, khảo sát còn hạn chế nên trong quá trình thực hiện đã gặp phải một số khó khăn như:

- Trước khi thực hiện khảo sát, nhóm khảo sát đã gửi bảng hỏi đến DN trước khi phỏng vấn, nhưng do DN có thể bận đã không xem trước bảng hỏi, hoặc xem trước nhưng chưa chuẩn bị kỹ nội dung nên phần trả lời các thông tin của bảng hỏi có phần chưa đảm bảo, đầy đủ thông tin và làm mất nhiều thời gian cho cuộc phỏng vấn.

- Kỹ năng phỏng vấn của Cán bộ điều tra, khảo sát chưa tốt đôi khi đã gây khó hiểu cho DN khi trả lời. Vấn đề này sẽ được các Cán bộ điều tra, khảo sát của Trường rút kinh nghiệm thực hiện cho những đợt thực hiện khảo sát trong những năm tiếp theo.

4.2. Phương pháp luận

- Cung cấp ý kiến phản hồi một cách hệ thống cho cấp lãnh đạo và những giảng viên, giáo viên liên quan về khả năng cạnh tranh của HSSV tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM trên thị trường lao động thông qua nhận xét, đánh giá năng lực của các HSSV đã tốt nghiệp tại Trường, từ các DN được khảo sát.

- Thu thập những ý kiến phản hồi, những thông tin chung về DN, chiến lược tuyển dụng và nhu cầu lao động của DN trong tương lai thông qua cuộc khảo sát.

Những thông tin này sẽ giúp các Nhà trường kịp thời tìm hiểu, nắm bắt được các chiến lược (tuyển dụng) của DN hay nói một cách tổng quát – nắm bắt được tính logic và những yêu cầu của thị trường lao động.

4.3. Các công cụ

Quá trình khảo sát sử dụng **Bảng hỏi được chuẩn hóa**, bảng hỏi này dựa vào đề cương Khảo sát DN được phát triển vào năm 2018 do Cục Kiểm định Chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp/Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn, ban hành.

Bảng nhập liệu Excel đã được phát triển. Sau khóa đào tạo cơ bản và tiến hành triển khai điều tra, khảo sát DN; Các Cán bộ điều tra, khảo sát DN Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM đã nhập dữ liệu vào bảng nhập liệu. Tất cả các phân tích, mô tả trình bày trong báo cáo được thực hiện dựa vào bảng nhập liệu cùng với việc sử dụng chức năng phân tích dữ liệu của phần mềm excel.

Sổ tay hướng dẫn thực hiện điều tra, khảo sát DN và quản lý dữ liệu khảo sát. Cuốn sổ tay sẽ cung cấp những chỉ dẫn làm thế nào để thực hiện các cuộc phỏng vấn trực tiếp thành công và làm thế nào để phân tích dữ liệu của cuộc điều tra, khảo sát hiệu quả nhất.

Chọn mẫu

Để việc đo lường các kết quả điều tra, khảo sát được đảm bảo một cách khách quan, thì phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên là điều kiện tiên quyết. Bởi vì, các DN được phỏng vấn đã được lựa chọn mẫu ngẫu nhiên.

Cỡ mẫu phù hợp được tính toán là 12 DN cho điều tra, khảo sát năm 2018.

PHẦN 2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT DN

I. Thông tin chung về Doanh nghiệp

1. DN chia theo đơn vị hành chính

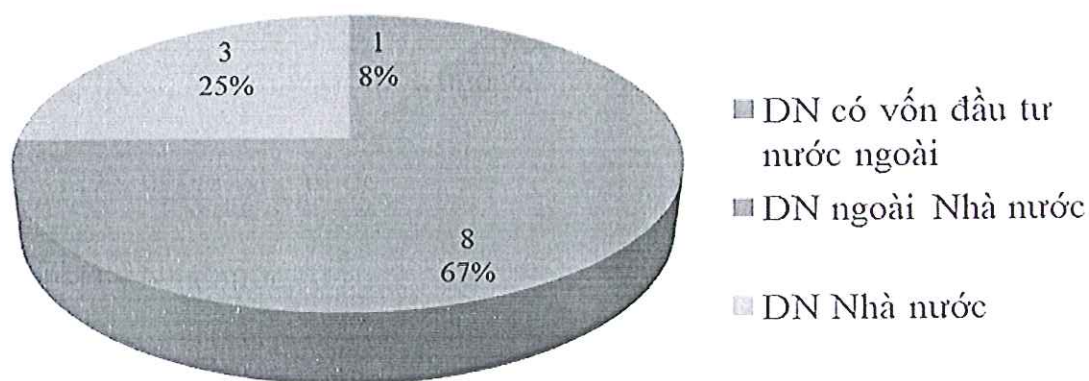
Nhóm khảo sát tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên 12 DN để điều tra, khảo sát. Các DN được điều tra, khảo sát đều hoạt động trên địa bàn TPHCM.

2. DN chia theo loại hình hoạt động

Bảng 01: Thống kê DN theo loại hình hoạt động

STT	Loại hình DN	Số lượng	Tỉ lệ %
1	DN có vốn đầu tư nước ngoài	1	8.3
2	DN ngoài Nhà nước	8	66.7
3	DN Nhà nước	3	25.0
Tổng		12	100

Hình 01: Biểu đồ loại hình hoạt động của DN



Theo bảng số liệu 01 và biểu đồ hình 01 nhận thấy: trong 12 DN được khảo sát, thì có 01 DN có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm tỉ lệ 8,3%; 08 DN ngoài Nhà nước, chiếm tỉ lệ 66,7% và 03 DN Nhà nước, chiếm tỉ lệ 25%.

3. Quy mô lao động trong DN

Bảng 02: Quy mô lao động trong các DN

Quy mô	< 100	100 - 199	200 - 299	300 - 399	> 400
Số DN	2	3	1	1	5
Tỉ lệ	16,7 %	25 %	8,3 %	8,3 %	41,7 %

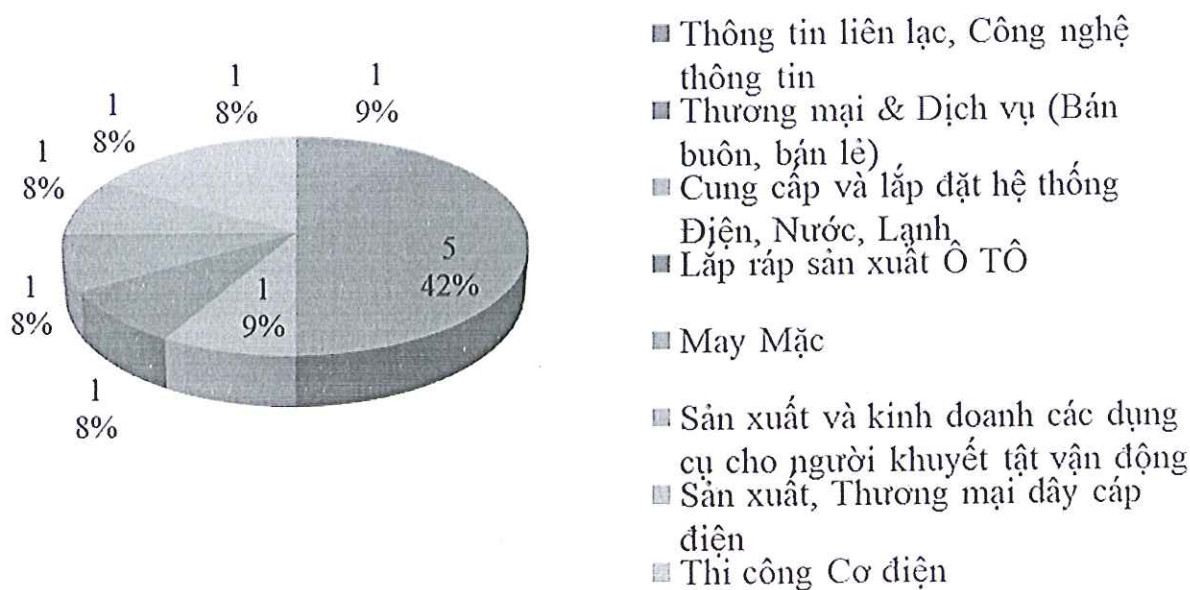
Theo Bảng số liệu 02, trong tổng số 12 DN được điều tra, khảo sát: Quy mô lao động rất đa dạng, tập trung chủ yếu vào các DN lớn và vừa. Trong đó có 05 DN có số lao động >400, chiếm tỉ lệ 41,7%; 01 DN có số lao động từ 300 – 399, chiếm 8,3%; 01 DN có số lao động từ 200 – 299, chiếm 8,3%; 03 DN có số lao động từ 100 – 199, chiếm 25% và 02 DN có số lao động <100, chiếm tỉ lệ 16,7%. DN có số lao động đông nhất 2.000 và DN có số lao động ít nhất 25.

4. DN chia theo ngành sản xuất/Kinh doanh

Bảng 03: Thống kê ngành Sản xuất/Kinh doanh của DN

Ngành Sản xuất/Kinh doanh	Số lượng	Tỉ lệ %
Thông tin liên lạc, Công nghệ thông tin	1	8
Thương mại & Dịch vụ (Bán buôn, bán lẻ)	5	42
Cung cấp và lắp đặt hệ thống Điện, Nước, Lạnh	1	8
Lắp ráp sản xuất Ô TÔ	1	8
May Mặc	1	8
Sản xuất và kinh doanh các dụng cụ cho người khuyết tật vận động	1	8
Sản xuất, Thương mại dây cáp điện	1	8
Thi công Cơ điện	1	8
Tổng	12	100

Hình 02: Biểu đồ thống kê Ngành Sản xuất/Kinh doanh của DN



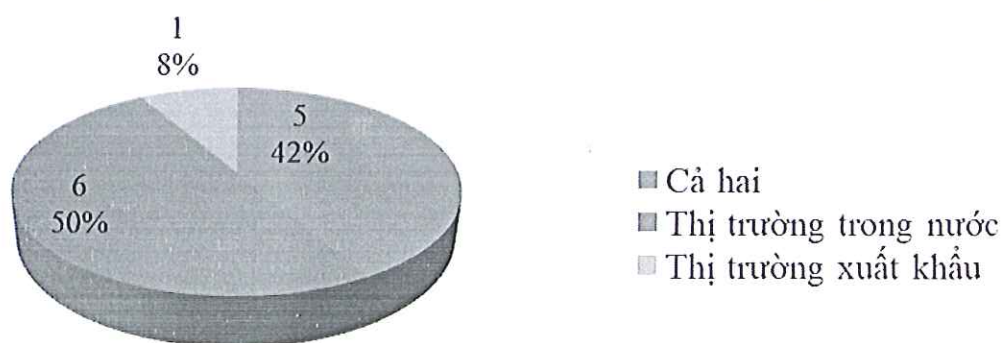
Nhìn vào bảng số liệu 03 và biểu đồ hình 02 cho thấy: trong 12 DN được điều tra, khảo sát có đến 05 DN hoạt động trong các lĩnh vực Thương mại & Dịch vụ (Bán buôn, bán lẻ), chiếm tỉ lệ 42%; 07 lĩnh vực còn lại mỗi lĩnh vực 01 DN, chiếm tỉ lệ 58%.

5. DN chia theo thị trường hoạt động

Bảng 04: Thống kê thị trường hoạt động của DN

STT	Thị trường hoạt động	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Cả hai	5	42
2	Thị trường trong nước	6	50
3	Thị trường xuất khẩu	1	8
Tổng		12	100

Hình 03: Biểu đồ Thống kê thị trường hoạt động của DN



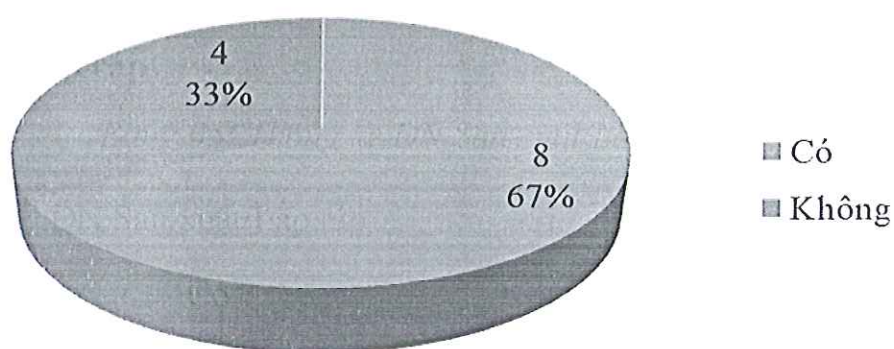
Theo bảng số liệu 04 và biểu đồ hình 03 cho thấy: trong 12 DN được điều tra, khảo sát, có 05 DN hoạt động phục vụ cho cả hai thị trường trong nước và xuất khẩu, chiếm tỉ lệ 42%; có 06 DN hoạt động phục vụ thị trường trong nước, chiếm tỉ lệ 50% và 01 DN hoạt động phục vụ thị trường xuất khẩu, chiếm tỉ lệ 8%.

6. DN Sản xuất/Lắp ráp

Bảng 05: Thống kê DN Sản xuất/Lắp ráp

STT	DN Sản xuất/Lắp ráp	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Có	8	67
2	Không	4	33
Tổng		12	100

Hình 04: Biểu đồ thống kê DNSản xuất/Lắp ráp



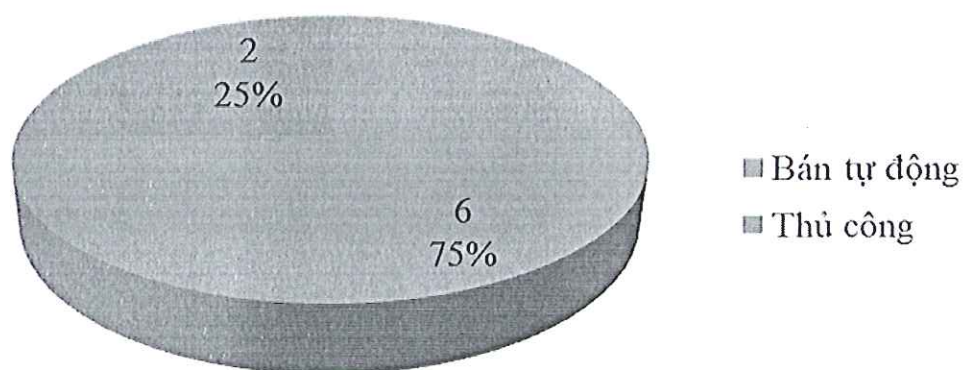
Theo bảng số liệu 05 và biểu đồ hình 04: Trong 12 DN được điều tra, khảo sát thì có đến 08 DN có Sản xuất/Lắp ráp sản phẩm, chiếm tỉ lệ 67%; 04 DN không Sản xuất/Lắp ráp sản phẩm, chiếm tỉ lệ 33%

7. DN chia theo hình thức sử dụng công nghệ sản xuất/lắp ráp

Bảng 06: Thống kê Công nghệ mà DN ứng dụng để Sản xuất/Lắp ráp

STT	Công nghệ mà DN dùng để Sản xuất/Lắp ráp	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Bán tự động	6	75.00
2	Thủ công	2	25.00
Tổng		8	100

Hình 05: Biểu đồ thống kê Công nghệ mà Doanh nghiệp ứng dụng để sản xuất/lắp ráp



Theo bảng số liệu 06 và biểu đồ hình 05: Trong 08 DN có Sản xuất/Lắp ráp, có 02 DN sử dụng công nghệ Sản xuất/Lắp ráp bằng hình thức thủ công, chiếm tỷ lệ 25%, có 06 DN sử dụng công nghệ Sản xuất/Lắp ráp bán tự động, chiếm tỷ lệ 75% và không có DN nào sử dụng công nghệ Sản xuất/Lắp ráp tự động.

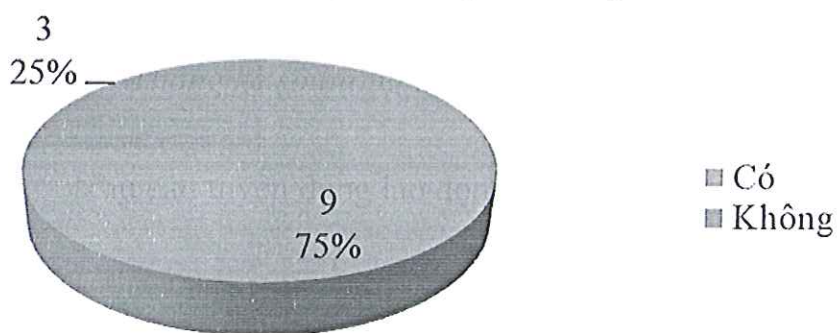
II. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong DN được khảo sát

1. Nhu cầu tuyển dụng lao động của DN

Bảng 07: Thống kê số lượng DN có nhu cầu tuyển dụng lao động

STT	Nhu cầu tuyển dụng lao động của DN	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Có	9	75
2	Không	3	25
Tổng		12	100

Hình 06: Biểu đồ thống kê số lượng Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động



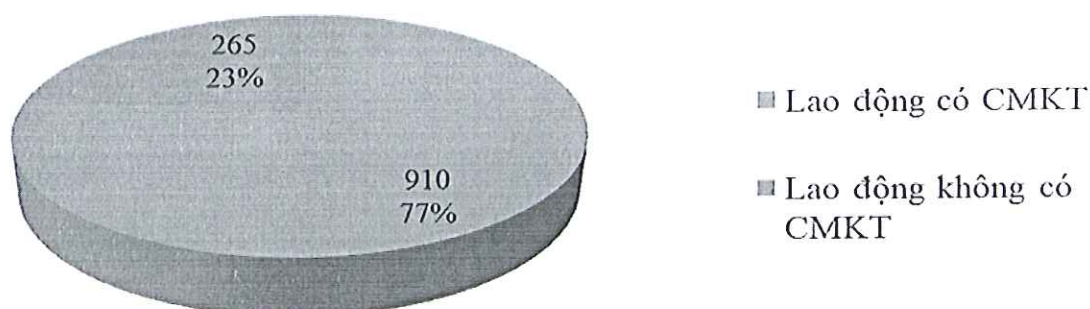
Từ bảng số liệu 07 và biểu đồ hình 06 cho thấy: Trong 12 DN được điều tra, khảo sát cho thấy: có 09 DN có nhu cầu tuyển dụng lao động, chiếm tỉ lệ 75% và 03 DN không có nhu cầu tuyển dụng lao động, chiếm tỉ lệ 25%.

2. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong DN chia theo trình độ (có CMKT/không có CMKT)

Bảng 08: Thống kê số lượng Lao động mà Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng

STT	Nhu cầu tuyển dụng lao động của DN	Số lượng (Người)	Tỉ lệ %
1	Lao động có CMKT	910	77
2	Lao động không CMKT	265	23
Tổng		1175	100

Hình 07: Biểu đồ thống kê số lượng lao động mà DN có nhu cầu tuyển dụng



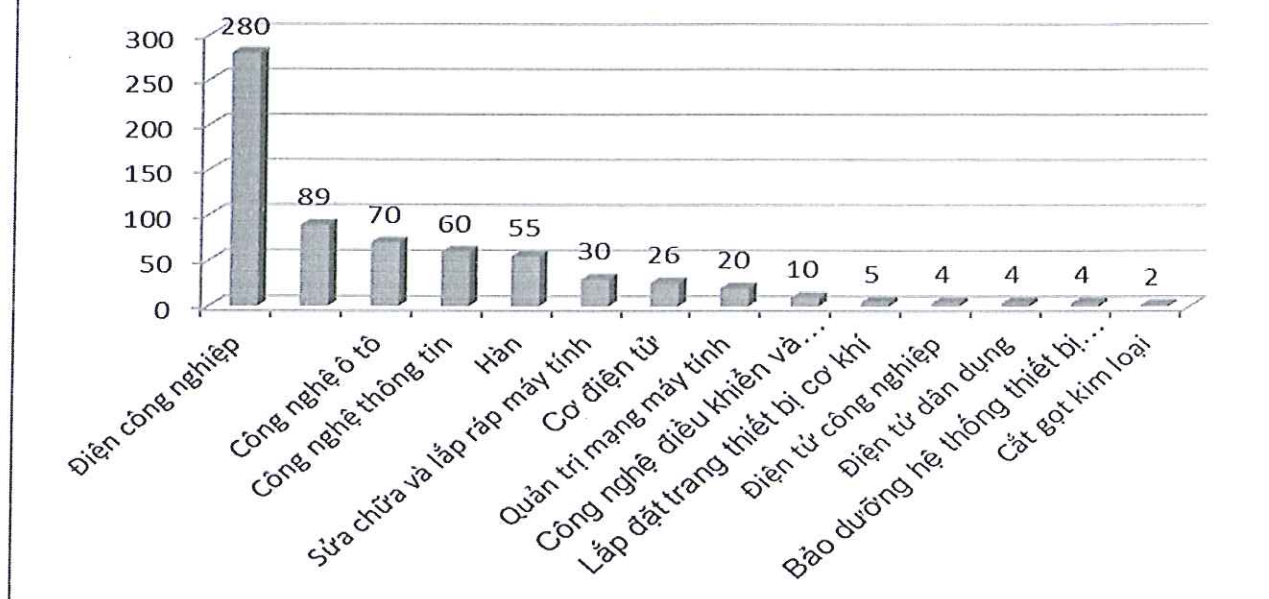
Theo bảng số liệu 08 và biểu đồ hình 07: kết quả điều tra, khảo sát 12 DN cho thấy: có 09 DN có nhu cầu tuyển dụng lao động trong vòng 12 tháng tới, với tổng số lao động cần tuyển dụng là 1175 lao động. Số lao động có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật mà các DN cần tuyển là 910 lao động, chiếm tỷ lệ 77%; Số lao động không có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật mà các DN cần tuyển là 265 lao động, chiếm tỷ lệ 23%. Từ đó cho thấy nhu cầu tuyển dụng lao động của các DN chủ yếu là lao động có trình độ tay nghề/ chuyên môn kỹ thuật.

3. Nhu cầu tuyển dụng lao động trong doanh nghiệp chia theo nghề cần tuyển

Bảng 09: Thống kê nhu cầu tuyển của DN chia theo nghề cần tuyển

Mã nghề	Tên nghề	Tổng
4	Điện công nghiệp	280
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	89
13	Công nghệ ô tô	70
12	Công nghệ thông tin	60
2	Hàn	55
11	Sửa chữa và lắp ráp máy tính	30
6	Cơ điện tử	26
10	Quản trị mạng máy tính	20
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	10
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	5
7	Điện tử công nghiệp	4
8	Điện tử dân dụng	4
15	Bảo dưỡng hệ thống thiết bị cơ khí	4
1	Cắt gọt kim loại	2
Tổng		659

Hình 08: Biểu đồ nhu cầu tuyển dụng lao động của DN



Theo bảng số liệu 09 và biểu đồ hình 08, kết quả điều tra, khảo sát DN trong 12 tháng tới cho thấy: các DN có nhu cầu tuyển dụng 659 lao động. Những nghề mà DN có nhu cầu tuyển dụng nhiều là: Điện công nghiệp 280 lao động; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí 89 lao động; Công nghệ Ô tô 70 lao động, Công nghệ thông tin 60 lao động; Ngành Hàn 55 lao động... Sở dĩ số lao động tập trung ở các nghề Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Công nghệ Ô tô; Công nghệ thông tin và Hàn cao là do chủ yếu các DN được khảo sát hoạt động trong các lĩnh vực này.

4. Số lượng DN (có/không) tuyển dụng lao động bị khuyết tật

Theo điều tra khảo sát 12 DN thì cả 12 DN đều không có nhu cầu tuyển dụng lao động bị khuyết tật, bởi các DN cho rằng lĩnh vực hoạt động, sản xuất của DN không phù hợp với người bị khuyết tật, và các DN cũng chưa bố trí được các công việc phù hợp để người bị khuyết tật tham gia vào quá trình sản xuất.

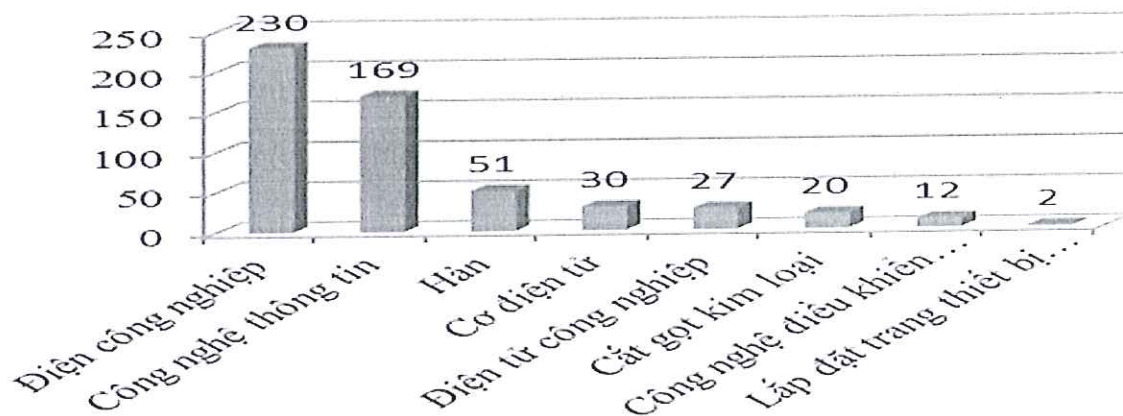
III. Việc làm và đào tạo trong DN

1. Số lượng lao động được tuyển dụng từ các cơ sở đào tạo theo nghề

Bảng 10: Thống kê số lượng sinh viên được tuyển dụng theo nghề

Mã nghề	Tên nghề	Tổng
4	Điện công nghiệp	230
9	Công nghệ thông tin	169
2	Hàn	51
6	Cơ điện tử	30
7	Điện tử công nghiệp	27
1	Cắt gọt kim loại	20
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	12
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	2
Tổng		541

Hình 09: Biểu đồ thống kê các ngành nghề mà các DN đã tuyển dụng HSSV tốt nghiệp trong 12 tháng qua



Theo bảng số liệu 10 và biểu đồ hình 09, kết quả thống kê 12 DN được điều tra, khảo sát cho thấy: Các ngành nghề mà DN tuyển dụng số lượng HSSV mới tốt nghiệp nhiều nhất từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong vòng 12 tháng bao gồm các ngành nghề: Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin, Hàn, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại, Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp và Lắp đặt trang thiết bị cơ khí. Trong đó HSSV mới tốt nghiệp ở 03 ngành

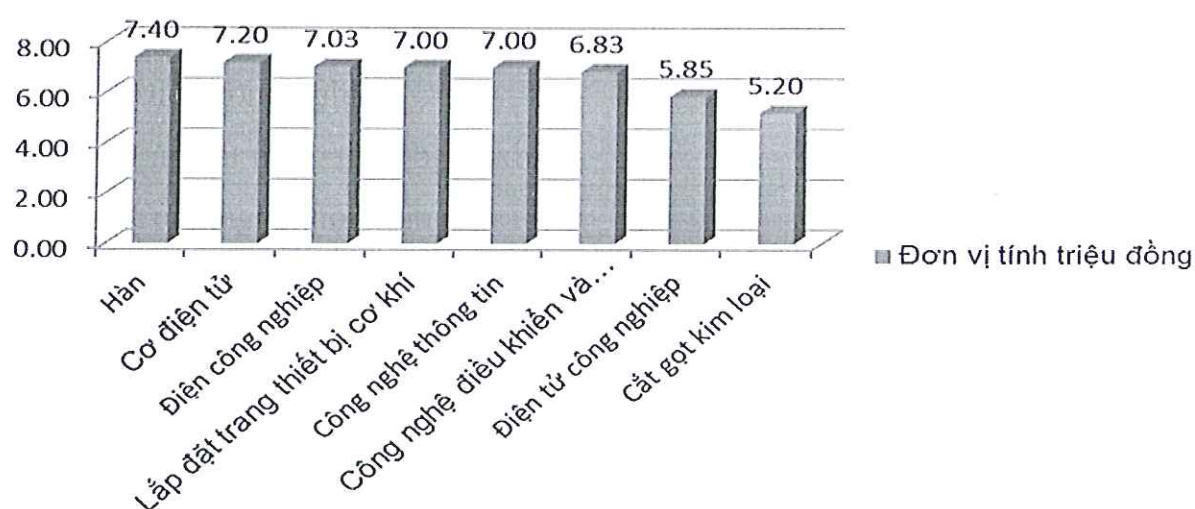
nghe đã được các DN tuyển dụng nhiều nhất là: Điện công nghiệp với 230, Công nghệ thông tin 169 và ngàn Hàn 51.

2. Thu nhập bình quân của lao động theo nghề

Bảng 11: Thống kê mức thu nhập bình quân theo nghề

Mã nghề	Tên nghề	Đơn vị tính triệu đồng
2	Hàn	7,40
6	Cơ điện tử	7,20
4	Điện công nghiệp	7,03
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	7,00
9	Công nghệ thông tin	7,00
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	6,83
7	Điện tử công nghiệp	5,85
1	Cắt gọt kim loại	5,20

Hình 10: Biểu đồ thống kê mức thu nhập bình quân theo nghề



Theo bảng số liệu 11 và biểu đồ hình 10. Mức thu nhập bình quân của HSSV đã được tuyển dụng tại các DN có sự khác biệt rõ, điều này có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau như: Loại hình DN, trình độ tay nghề của HSSV tốt nghiệp, kinh nghiệm làm việc và thời gian làm việc,...

Tuy nhiên về cơ bản mức thu nhập bình quân của HSSV mới tốt nghiệp vẫn khá cao, các nghề Hàn, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Công nghệ thông tin có mức

thu nhập cao hơn các nghề khác. Ngành Hàn có mức thu nhập cao nhất bình quân 7.400.000 đồng; ngành Cắt gọt kim loại có mức thu nhập thấp nhất bình quân 5.200.000 đồng.

3. Khó khăn của DN trong việc tuyển dụng lao động theo nghề

Bảng 12: Số DN gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động

Mã nghề	Tên nghề	Có khó khăn trong tuyển dụng lao động	Không khó khăn trong tuyển dụng lao động
1	Cắt gọt kim loại	2	0
2	Hàn	6	1
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	0	1
4	Điện công nghiệp	4	2
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	2	0
6	Cơ điện tử	5	0
7	Điện tử công nghiệp	2	1
9	Công nghệ thông tin	3	1

Theo bảng số liệu 12, kết quả điều tra, khảo sát cho thấy: phần lớn các DN được khảo sát trả lời không gặp khó khăn trong quá trình tuyển dụng HSSV sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên cũng còn 6 DN gặp khó khăn trong quá trình tuyển dụng HSSV ở các ngành nghề. Trong đó 01 DN gặp khó khăn trong tuyển dụng nghề Hàn, 01 DN gặp khó khăn trong tuyển dụng nghề Lắp đặt trang thiết bị cơ khí, 01 DN gặp khó khăn trong tuyển dụng nghề Điện tử công nghiệp, 01 DN gặp khó khăn trong tuyển dụng nghề Công nghệ thông tin và 02 DN gặp khó khăn trong tuyển dụng HSSV nghề Điện công nghiệp. Nguyên nhân do thị trường lao động thiếu người lao động đáp ứng về chuyên môn kỹ thuật hoặc các ứng viên có trình độ thấp không đạt yêu cầu.

4. Đào tạo lại cho lao động mới được tuyển dụng trong DN theo nghề và thời gian bình quân cần đào tạo lại

Bảng 13: Thống kê số ngày đào tạo trung bình của DN cho lao động mới được tuyển dụng theo nghề.

STT	Tên DN	Thời gian bình quân cần đào tạo lại(Số ngày Đào tạo)							
		Cắt gọt kim loại	Hàn	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	Điện Công nghiệp	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	Cơ Điện tử	Điện tử công nghiệp	Công nghệ thông tin
1	Công ty TNHH MTV XLKT Điện Cơ Mạnh Tín					30			
2	Công ty Cổ Phần MePac				30		30		
3	Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh Đại Việt		30		30		30	30	30
4	Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Tân và Kỳ		30	60	30	30			
5	Công ty TNHH TMVT và DL Gia Đình Việt		20		30				
6	Công ty TNHH ÔTÔ Tiên Phong		30						30
7	Công ty TNHH sản xuất thương mại PhaNa - Xưởng sản xuất	30	60						
8	Công ty Cổ Phần May Bình Minh						60		10
9	Công ty Cổ Phần dây cáp điện DAPHACO						30	90	
10	Công ty TNHH ABS Việt Mỹ								60
Giá trị trung bình		30	34	60	30	30	37.5	60	32.5

Theo bảng số liệu 13, kết quả nghiên cứu điều tra, khảo sát cho thấy: thời gian cần thiết để đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng...cho người lao động là HSSV mới tốt nghiệp của Trường vào làm việc tại DN từ 30 – 60 ngày. Thông tin từ doanh nghiệp cho biết việc đào tạo bổ sung ở đây chủ yếu để HSSV cập nhật công nghệ và làm quen với dây chuyền sản xuất tại DN, các nội quy, quy định về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp của DN.

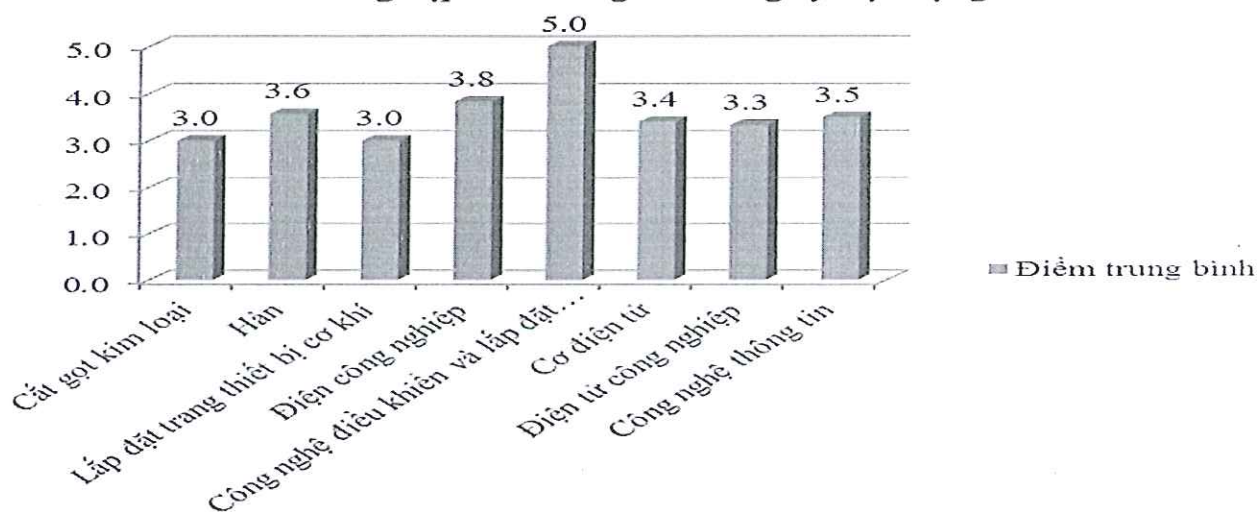
IV. Năng lực của HSSV tốt nghiệp

1. Năng lực của HSSV tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM

Bảng 14. Mức độ đáp ứng yêu cầu về đào tạo của các DN đối với HSSV của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng

Mã nghề	Tên nghề	Nghề số 1		Nghề số 2		Nghề số 3		Nghề số 4		Nghề số 5		Tổng cộng		Điểm trung bình
		Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	
1	Cắt gọt kim loại	3	1	3	1	0	0	0	0	0	0	6	2	3.0
2	Hàn	12	3	13	4	0	0	0	0	0	0	25	7	3.6
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	0	0	0	0	3	1	0	0	0	0	3	1	3.0
4	Điện công nghiệp	8	2	12	3	0	0	3	1	0	0	23	6	3.8
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	0	0	0	0	5	1	0	0	0	0	5	1	5.0
6	Cơ điện tử	3	1	4	1	4	1	3	1	3	1	17	5	3.4
7	Điện tử công nghiệp	3	1	0	0	3	1	4	1	0	0	10	3	3.3
9	Công nghệ thông tin	7	2	4	1	0	0	3	1	0	0	14	4	3.5
TỔNG		36	10	36	10	15	4	13	4	3	1	103	29	3.6

Hình 11: Biểu đồ thể hiện mức điểm đánh giá trung bình của DN về HSSV mới tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM



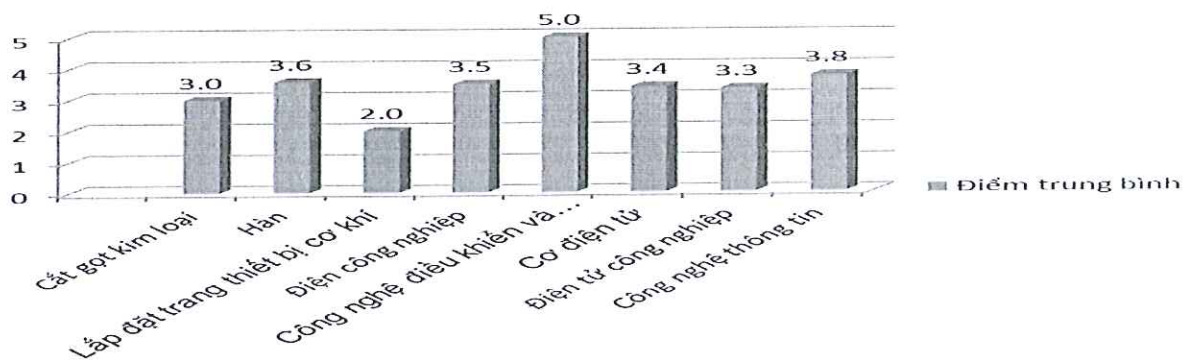
Theo bảng số liệu 14 và biểu đồ hình 11, kết quả khảo sát cho thấy: các DN đánh giá về mức độ đáp ứng công việc của HSSV tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM về trình độ được tóm tắt như sau: về cơ bản các DN đánh giá tương đối tốt mức đáp ứng công việc của HSSV Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM, mức đánh giá này nằm ở khoảng giữa đáp ứng trên trung bình và đáp ứng phần lớn so với yêu cầu về trình độ của DN.

2. Năng lực của học sinh tốt nghiệp Trường khác

Bảng 15. Mức độ đáp ứng yêu cầu về đào tạo của các DN đối với HSSV của Trường khác

Mã nghề	Tên nghề	Nghề số 1		Nghề số 2		Nghề số 3		Nghề số 4		Nghề số 5		Tổng cộng		Điểm trung bình
		Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	Tổng điểm đánh giá	Tổng lượt đánh giá	
1	Cắt gọt kim loại	3	1	3	1	0	0	0	0	0	0	6	2	3.0
2	Hàn	12	3	13	4	0	0	0	0	0	0	25	7	3.6
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	1	2.0
4	Điện công nghiệp	7	2	12	3	0	0	2	1	0	0	21	6	3.5
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	0	0	0	0	5	1	0	0	0	0	5	1	5.0
6	Cơ điện tử	3	1	3	1	4	1	4	1	3	1	17	5	3.4
7	Điện tử công nghiệp	3	1	0	0	3	1	4	1	0	0	10	3	3.3
9	Công nghệ thông tin	8	2	4	1	0	0	3	1	0	0	15	4	3.8
TỔNG		36	10	35	10	14	4	13	4	3	1	101	29	3.5

Hình 12: Biểu đồ thể hiện mức điểm đánh giá trung bình của DN về HSSV mới tốt nghiệp từ các trường khác



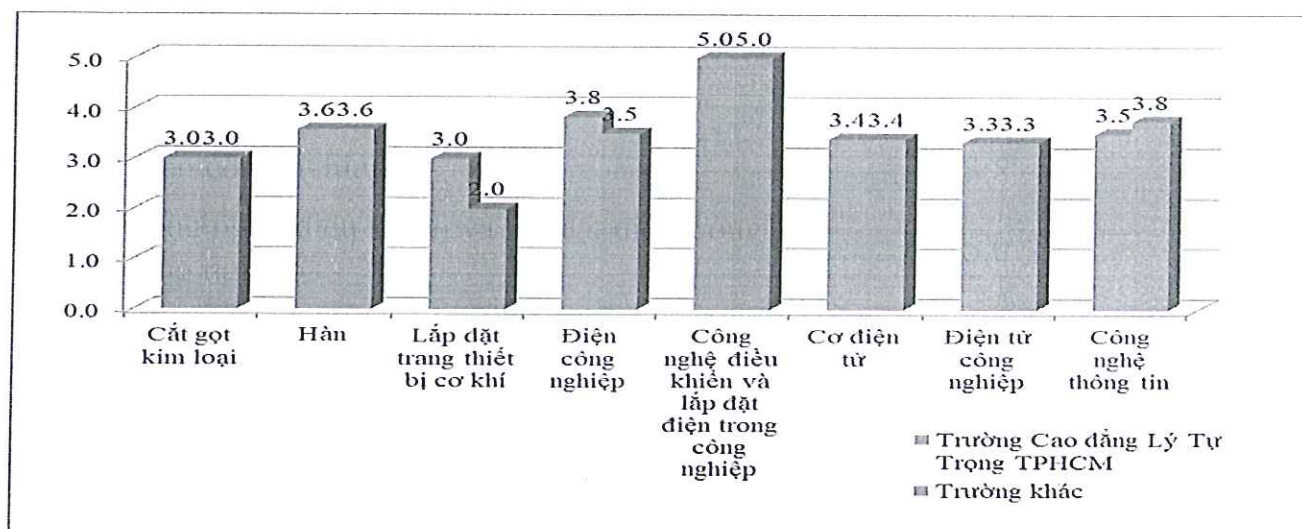
Kết quả điều tra, khảo sát các DN về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp từ các Trường khác về trình độ được tóm tắt trên bảng 15 và Hình 12 cho thấy: về cơ bản các DN đánh giá tương đối tốt mức đáp ứng công việc của HSSV. Mức đánh giá này cũng nằm ở khoảng giữa mức đáp ứng trên trung bình và đáp ứng phần lớn so với yêu cầu về trình độ của DN, chỉ duy nhất 01 ngành nghề đáp ứng dưới mức trung bình.

3. So sánh năng lực của HSSV tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM và Trường khác

Bảng 16. So sánh mức độ đáp ứng yêu cầu về đào tạo của các DN giữa HSSV Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM và HSSV Trường khác

Mã nghề	Tên nghề	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	Trường khác
1	Cắt gọt kim loại	3.0	3.0
2	Hàn	3.6	3.6
3	Lắp đặt trang thiết bị cơ khí	3.0	2.0
4	Điện công nghiệp	3.8	3.5
5	Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp	5.0	5.0
6	Cơ điện tử	3.4	3.4
7	Điện tử công nghiệp	3.3	3.3
9	Công nghệ thông tin	3.5	3.8

Hình 13: Biểu đồ so sánh năng lực của HSSV tốt nghiệp Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM và Trường khác



Theo bảng số liệu 16 và biểu đồ hình 13, kết quả cho thấy: mức độ đánh giá của các DN về năng lực của HSSV của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM so với HSSV các Trường bạn: ở các nghề Cắt gọt kim loại, Hàn, Công nghệ điều khiển và lắp đặt điện trong công nghiệp, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp ngang bằng nhau. Ngành Điện công nghiệp, Lắp đặt trang thiết bị cơ khí thì HSSV Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng có phần cao hơn so với HSSV các Trường bạn. Tuy nhiên đối với ngành Công nghệ thông tin thì HSSV Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM còn thấp hơn so với HSSV các Trường bạn. Do vậy Nhà trường cũng cần tập trung tìm hiểu, nghiên cứu, cải thiện nội dung, chương trình đào tạo đối với nghề này.

4. Đánh giá về năng lực của HSSV tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của DN

Việc đánh giá, so sánh mức độ quan trọng của năng lực của HSSV tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của DN là một trong những yếu tố rất quan trọng. Kết quả khảo sát chính là cơ sở để Nhà trường có những điều chỉnh về nội dung, chương trình đào tạo của mình nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tuyển dụng của DN.

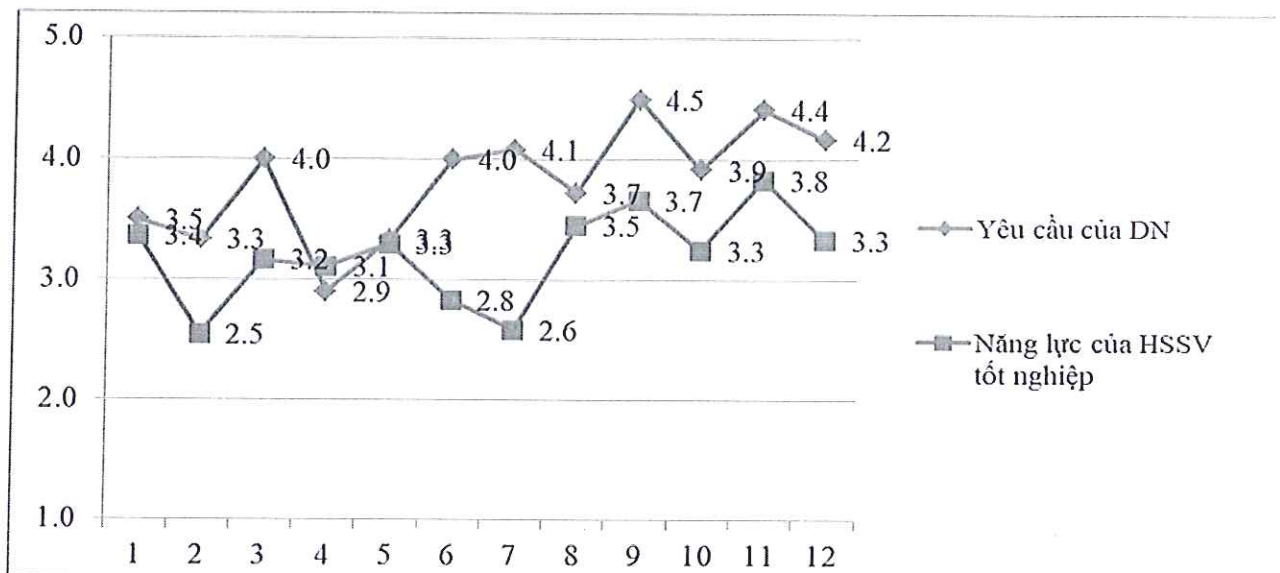
4.1. Kiến thức lý thuyết về nghề

Bảng 17: So sánh yêu cầu của DN về kiến thức lý thuyết nghề và năng lực HSSV tốt nghiệp

Hạng mục năng lực kiến thức nghề	Mã ký hiệu kiến thức về lý thuyết nghề	Yêu cầu của DN	Năng lực của HSSV sau tốt nghiệp
Mức độ quan trọng Khoa học ứng dụng (A)	1	3.5	3.4
Mức độ quan trọng của Ngoại ngữ (A)	2	3.3	2.5
Mức độ quan trọng của Công nghệ kỹ thuật và sản xuất (A)	3	4.0	3.2
Mức độ quan trọng của Chế tạo và chế biến (A)	4	2.9	3.1
Mức độ quan trọng của Máy tính và viễn thông (A)	5	3.3	3.3
Mức độ quan trọng của Quản trị và điều hành/quản lý (A)	6	4.0	2.8
Mức độ quan trọng của Các điều lệ và tiêu chuẩn chất lượng (A)	7	4.1	2.6

Mức độ quan trọng của Vận chuyển và sắp xếp lưu kho (A)	8	3.7	3.5
Mức độ quan trọng của Sức khỏe và an toàn lao động (A)	9	4.5	3.7
Mức độ quan trọng của Bảo vệ môi trường và công nghệ xanh (A)	10	3.9	3.3
Mức độ quan trọng của Đạo đức nghề nghiệp (A)	11	4.4	3.8
Mức độ quan trọng của Quản lý nguồn lực: sử dụng năng lượng, vật liệu thừa một cách hiệu quả, tái chế/tái sử dụng vật liệu nhằm hạn chế việc sử dụng nguồn tài nguyên (A)	12	4.2	3.3

Hình 14: Biểu đồ so sánh yêu cầu của DN về kiến thức lý thuyết nghề và năng lực HSSV tốt nghiệp



Nhìn vào bảng số liệu 17 và biểu đồ hình 14 cho thấy: về cơ bản trình độ năng lực của HSSV ở tất cả hạng mục năng lực về kiến thức lý thuyết nghề đều thấp hơn so với yêu cầu về năng lực của DN, thậm chí có những hạng mục năng lực về kiến thức lý thuyết nghề của HSSV sau tốt nghiệp thấp hơn và có sự chênh lệch khá lớn so với yêu cầu về năng lực của DN. Duy nhất đó chỉ có một hạng mục năng lực về kiến thức Chế tạo và chế biến thì trình độ năng lực của HSSV sau tốt nghiệp cao hơn một ít so với yêu cầu năng lực của DN. Chính vì vậy, Nhà trường cần tập trung cải thiện nhiều ở các hạng mục năng lực về kiến thức lý thuyết nghề cho HSSV đang theo học tại Trường, cụ thể ở những hạng mục kiến thức sau:

2. Ngoại ngữ

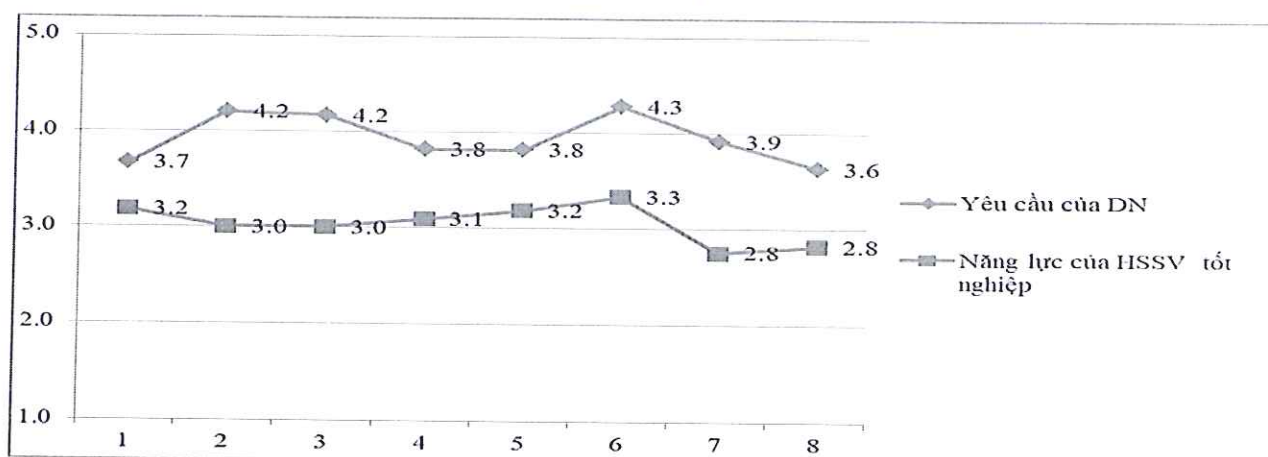
3. Công nghệ kỹ thuật và sản xuất
6. Quản trị và điều hành/quản lý
7. Các điều lệ và tiêu chuẩn chất lượng
9. Sức khỏe và an toàn lao động
10. Bảo vệ môi trường và công nghệ xanh
11. Đạo đức nghề nghiệp
12. Quản lý nguồn lực: sử dụng năng lượng, vật liệu thừa một cách hiệu quả, tái chế/tái sử dụng vật liệu nhằm hạn chế việc sử dụng nguồn tài nguyên.

4.2. Kỹ năng thực tiễn nghề

Bảng 18: So sánh yêu cầu của DN về các kỹ năng thực tiễn nghề và năng lực HSSV tốt nghiệp

Hạng mục kỹ năng thực tiễn nghề	Mã ký hiệu các kỹ năng thực tiễn nghề	Yêu cầu của DN	Năng lực của HSSV sau tốt nghiệp
Mức độ quan trọng của Thao tác và vận chuyển nguyên vật liệu, công cụ, linh kiện, thiết bị và máy móc (A)	1	3.7	3.2
Mức độ quan trọng của Sử dụng thiết bị đo đạc, kiểm tra và căn chỉnh theo tiêu chuẩn (A)	2	4.2	3.0
Mức độ quan trọng của Cài đặt và vận hành máy móc, thiết bị và dụng cụ cho sản xuất (A)	3	4.2	3.0
Mức độ quan trọng của Thực hiện các công việc vận hành trong một dây chuyền sản xuất theo qui cách (A)	4	3.8	3.1
Mức độ quan trọng của Lắp ráp, lắp đặt, kiểm tra các bộ phận, thiết bị, máy móc, hệ thống, etc. (A)	5	3.8	3.2
Mức độ quan trọng của Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa/thay thế các bộ phận, thiết bị/máy móc (A)	6	4.3	3.3
Mức độ quan trọng của Sử dụng bản đồ, bản thiết kế, bản vẽ và các chỉ dẫn kỹ thuật (A)	7	3.9	2.8
Mức độ quan trọng của Sử dụng năng lượng và vật liệu thừa hiệu quả/ sử dụng hệ thống tái chế (A)	8	3.6	2.8

Hình 15. So sánh yêu cầu của DN về các kỹ năng thực tiễn nghề và năng lực HSSV tốt nghiệp



Theo bảng số liệu 18 và biểu đồ hình 15. Kết quả so sánh yêu cầu của doanh nghiệp về các kỹ năng thực tiễn nghề và năng lực thực tế của HSSV sau tốt nghiệp cho thấy: tất các kỹ năng thực tiễn nghề của HSSV sau tốt nghiệp đều thấp hơn so với yêu cầu về năng lực của doanh nghiệp. Thậm chí có những hạng mục kỹ năng về kiến thức thực tiễn nghề của HSSV sau tốt nghiệp thấp hơn rất nhiều và có mức độ chênh lệch lớn so với yêu cầu về năng lực của DN, như các kỹ năng sau:

2. Sử dụng thiết bị đo đạc, kiểm tra và căn chỉnh theo tiêu chuẩn
3. Cài đặt và vận hành máy móc, thiết bị và dụng cụ cho sản xuất
6. Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa/thay thế các bộ phận, thiết bị/máy móc
7. Sử dụng bản đồ, bản thiết kế, bản vẽ và các chỉ dẫn kỹ thuật

Chính vì vậy Nhà trường cần tập trung cải thiện các kỹ năng này cho HSSV đang theo học tại Trường.

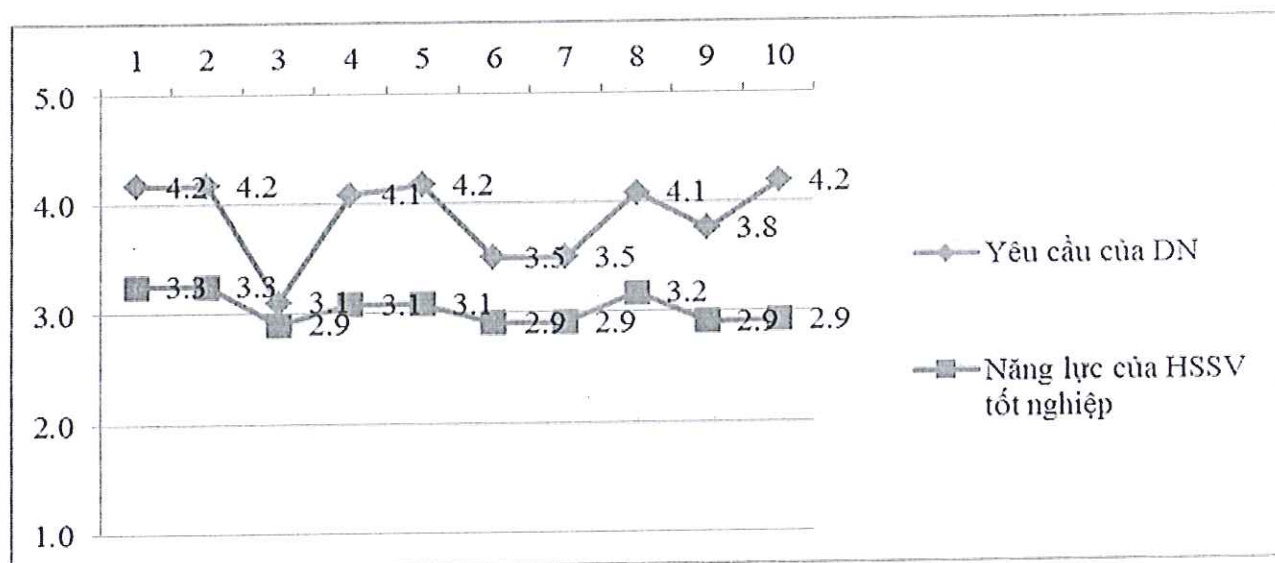
4.3. Kỹ năng mềm

Bảng 19: So sánh yêu cầu của DN về các kỹ năng mềm và năng lực thực tiễn HSSV tốt nghiệp

Hạng mục kỹ năng mềm	Mã ký hiệu các kỹ năng mềm	Yêu cầu của DN	Năng lực của HSSV sau tốt nghiệp
Mức độ quan trọng Thu thập, xử lý, quản lý thông tin (A)	1	4.2	3.3
Mức độ quan trọng của Làm việc với người khác theo nhóm (A)	2	4.2	3.3

Mức độ quan trọng của Sử dụng các khái niệm và kỹ thuật toán học (A)	3	3.1	2.9
Mức độ quan trọng của Đưa ra các quyết định và giải quyết các vấn đề (A)	4	4.1	3.1
Mức độ quan trọng của Tổ chức, lên kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc (A)	5	4.2	3.1
Mức độ quan trọng của Sử dụng công nghệ máy tính, thiết bị điều khiển và phần mềm điều khiển (A)	6	3.5	2.9
Mức độ quan trọng của Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm (A)	7	3.5	2.9
Mức độ quan trọng của Áp dụng các điều lệ, quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (A)	8	4.1	3.2
Mức độ quan trọng của Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng (A)	9	3.8	2.9
Mức độ quan trọng của Cung cấp các dịch vụ chăm sóc khách hàng (A)	10	4.2	2.9

Hình 16. Biểu đồ so sánh yêu cầu của DN về các kỹ năng mềm và năng lực thực tiễn của HSSV tốt nghiệp



Theo bảng số liệu 19 và biểu đồ hình 16. Kết quả so sánh yêu cầu của DN về các kỹ năng mềm thực tế của HSSV tốt nghiệp cho thấy: hầu hết hạng mục về kỹ năng mềm của HSSV sau khi tốt nghiệp cơ bản chưa đáp ứng so với yêu cầu của DN. Chỉ duy nhất hạng mục năng lực về kiến thức Sử dụng các khái niệm và kỹ thuật toán học (A) có mức gần tiệm cận với yêu cầu thực tiễn từ các DN.

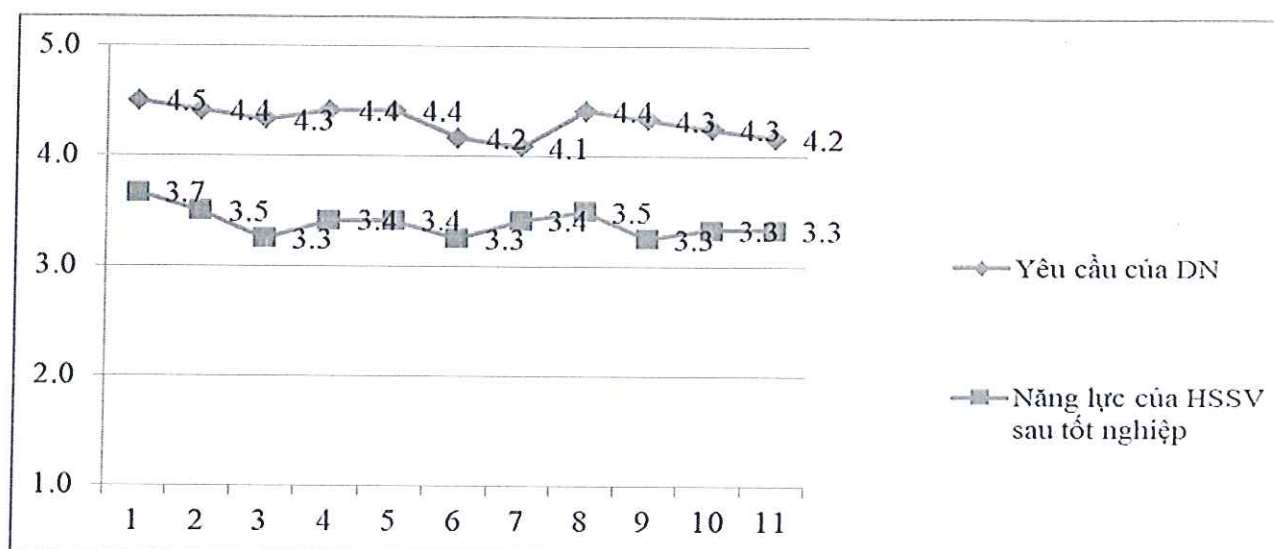
Chính vì vậy, đối với các hạng mục năng lực kiến thức về kỹ năng mềm Nhà trường cần phải chú trọng, tập trung, cải thiện cho HSSV đang theo học tại trường trong thời gian tới.

4.4. Thái độ làm việc

Bảng 20: So sánh yêu cầu của DN về các thái độ làm việc và thái độ làm việc thực tế HSSV tốt nghiệp

Hạng mục thái độ làm việc	Mã ký hiệu thái độ làm việc	Yêu cầu của DN	Năng lực của HSSV sau tốt nghiệp
Mức độ quan trọng của Đáng tin cậy, có trách nhiệm (A)	1	4.5	3.7
Mức độ quan trọng của Chính trực, tôn trọng (A)	2	4.4	3.5
Mức độ quan trọng của Tận tâm, trung thành, cống hiến (A)	3	4.3	3.3
Mức độ quan trọng của Chính xác, cẩn thận, tập trung (A)	4	4.4	3.4
Mức độ quan trọng của Kỷ luật, ngăn nắp, đúng giờ (A)	5	4.4	3.4
Mức độ quan trọng của Hợp tác, giúp đỡ (A)	6	4.2	3.3
Mức độ quan trọng của Linh hoạt, dễ thích nghi (A)	7	4.1	3.4
Mức độ quan trọng của Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực (A)	8	4.4	3.5
Mức độ quan trọng của Tính sáng tạo, đổi mới (A)	9	4.3	3.3
Mức độ quan trọng của Chịu khó, chịu được áp lực (A)	10	4.3	3.3
Mức độ quan trọng của Các nghi thức cử chỉ xã giao công việc (A)	11	4.2	3.3

Hình 17: So sánh yêu cầu của DN về các thái độ làm việc và thái độ làm việc thực tế của HSSV tốt nghiệp



Theo bảng số liệu 20 và biểu đồ hình 17. Kết quả so sánh yêu cầu của DN về các thái độ làm việc và năng lực thái độ làm việc thực tế của HSSV tốt cho thấy: tất cả các hạng mục về thái độ làm việc của HSSV tốt nghiệp đều thấp hơn so với yêu cầu thực tiễn của DN.

Chính vì vậy, đối với hạng mục về thái độ làm việc, Nhà trường cần phải chú trọng, tập trung, cải thiện cho HSSV đang theo học tại Trường trong thời gian tới.

V. KẾT LUẬN

1. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Để triển khai, tiến hành khảo sát, thu thập thông tin của đối tượng khảo sát, cụ thể: Đề DN, Cán bộ quản lý, người phụ trách nhân sự tại các DN hiểu rõ được mục khảo sát DN và đảm bảo nội dung, thông tin được cung cấp bởi các DN đầy đủ, chính xác thì Cán bộ đi phỏng vấn điều tra, khảo sát phải tìm hiểu và nghiên cứu kỹ nội dung bảng câu hỏi, trong quá trình thực hiện phải liên lạc và gửi bảng câu hỏi cho người được khảo sát tại các DN trước thời gian phỏng vấn vài ngày, để khi tiến hành phỏng vấn, người được phỏng vấn sẽ không bối ngỡ với nội dung bảng câu hỏi, qua đó rút ngắn thời gian phỏng vấn và nâng cao hiệu quả của việc khảo sát, thu thập thông tin từ các DN.

Thứ hai: Khi kết thúc quá trình phỏng vấn điều tra, cán bộ điều tra, khảo sát cần rà soát kỹ lại nội dung đã phỏng vấn, kiểm tra đã đảm bảo và đầy đủ thông tin cần thiết được thu thập chưa? Cần bổ sung hay lược bớt thông tin, nội dung nào? Một vấn đề cần chú ý khi nhập và xử lý dữ liệu, nếu nội dung khảo sát chưa hoàn toàn đạt yêu cầu, thì Cán bộ thực hiện điều tra, khảo sát cần liên hệ DN để tìm hiểu thêm thông tin, hoàn thiện hơn về nội dung, thông tin khảo sát.

2. Kết luận

- Nhu cầu lao động của các DN được khảo sát

Kết quả điều tra, khảo sát sẽ giúp Nhà trường xác định được các DN có nhu cầu tuyển dụng lao động trong thời gian tới. Đặc biệt chú trọng đến các lĩnh vực ngành nghề mà các DN tuyển dụng nhiều lao động. Thật vậy, qua thông tin khảo sát từ 12 DN đã đánh giá được: các nhóm ngành Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Công nghệ Ô tô, Công nghệ thông tin và ngành Hàn sẽ có nhu cầu tuyển dụng khá cao trong thời gian tới.

Đồng thời cũng thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường kịp thời nắm bắt được các thông tin có liên quan đến chiến lược, công tác tuyển dụng lao động của các DN. Đặc biệt chú trọng đến mức độ khó khăn trong công tác tuyển dụng của DN ở các ngành nghề, để từ đó định hướng công tác tuyển sinh, thay đổi chương trình đào tạo, tư vấn kịp thời cho HSSV nhằm đáp ứng hơn nữa về yêu cầu tuyển dụng của các DN đối với HSSV của Trường.

- Việc làm và đào tạo trong các DN được khảo sát

Kết quả điều tra, khảo sát cũng cho thấy thời gian mà các DN cần đào tạo bổ sung khi tiếp nhận HSSV của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng vào làm việc trung bình từ 30 – 60 ngày. Thời gian đào tạo bổ sung chủ yếu tập trung cho công tác hướng dẫn, cập nhật, làm quen với dây chuyền sản, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại tại DN. Điều này một phần thể hiện mức độ năng lực của HSSV tốt nghiệp của Trường đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của DN. Tuy nhiên thời gian đào

tạo bổ sung còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, đặc biệt là việc bố trí vị trí việc làm cho HSSV tại DN... Đối với những vị trí việc làm càng giản đơn thì thời gian đào tạo bổ sung sẽ càng giảm...

- Năng lực của học viên tốt nghiệp

Mức độ năng lực của HSSV tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM được điều tra, khảo sát về cơ bản còn thấp và chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của DN và thị trường lao động ở tất cả các hạng mục kỹ năng. Đây chính là cơ sở quan trọng để Nhà trường nhìn nhận, đánh giá, định hướng và có sự điều chỉnh trong kế hoạch tuyển sinh và chương trình đào tạo của mình trong thời gian tới nhằm đáp ứng tốt hơn nữa với yêu cầu chung của các DN và thực tiễn thị trường lao động./.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

Phan Đức Long